

# LUYỆN TẬP VỀ NHÂN VẬT GIAO TIẾP

(1 tiết)

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS : Biết vận dụng hiểu biết về nhân vật giao tiếp vào việc đọc - hiểu và tạo lập văn bản.

## II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

Cần bám vào từng trường hợp cụ thể (lời lẽ, cử chỉ,...) để phân tích những vấn đề liên quan đến nhân vật giao tiếp vì như thế sẽ giúp HS hiểu lí thuyết một cách sinh động hơn.

## III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Trước khi dạy, GV cho HS đọc lại bài *Ngữ cảnh* trong SGK *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một, tập trung vào những vấn đề then chốt của khái niệm *nhân vật giao tiếp*. Do khác nhau về địa vị, trình độ, sở thích, tuổi tác,... nên lời ăn tiếng nói, thái độ, cử chỉ,... của người tham gia giao tiếp không thể như nhau.

GV đặc biệt nhấn mạnh đến quan hệ thân sơ và quan hệ vị thế giữa các nhân vật giao tiếp. Nếu quan hệ thân sơ là quan hệ gần gũi hay xa cách giữa các nhân vật giao tiếp (là bạn bè hay là người xa lạ, chẳng hạn), thì quan hệ vị thế được xác lập dựa trên địa vị xã hội hay tuổi tác (ví dụ giám đốc với nhân viên, người trẻ với người già,...). Xuất phát từ hai quan hệ này, người đọc sẽ hiểu được cách xưng hô, cách dùng từ ngữ, sự lựa chọn đề tài, thái độ, cử chỉ,... của nhân vật.

### 2. Gợi ý giải bài tập

#### **Bài tập 1**

a) Thuộc hạ nói về mình thì khiêm nhường (*đầu óc ngu độn, thô thiển*) nhưng nói với chủ tướng thì rất tôn kính (*trình, minh công*).

b) GV đưa ra những từ ngữ như :

– *tiện thiếp* (*tiện* : hèn, khinh rẻ), *ngu đệ, ngu huynh, tệt xá, thiển kiến* (*thiển* : nông cạn), *thiển ý, ngu ý*,... (1)

– *cao kiến, quý ông, quý vị*,... (2)

và yêu cầu HS đặt câu có dùng những từ ngữ trên. Từ đó cho HS nhận xét trường hợp nào thì thường dùng cho ngôi nào. Dễ dàng thấy rằng (1) thường chỉ

dùng cho ngôi thứ nhất, còn (2) chỉ dùng cho các ngôi thứ hai và thứ ba. Từ đó có thể khái quát thành một quy tắc giao tiếp : "xưng khiêm, hô tôn".

Tất nhiên có thể cho rằng thái độ khiêm nhường khi nói về mình và tôn kính khi nói với chủ tướng là xuất phát từ địa vị thuộc hạ đối với chủ tướng, tức là lí giải theo góc độ quan hệ vị thế. Tuy vậy, phải thấy quy tắc "xưng khiêm, hô tôn" có tác dụng bao trùm hơn : người trên mà vẫn "xưng khiêm", anh mà vẫn nói "ngu huynh", thủ trưởng mà vẫn nói "theo thiếu ý",

### ***Bài tập 2***

Lẽ ra Dít phải mừng rỡ khi gặp lại Tnú. Nhưng không, chị nhìn anh với "đôi mắt nghiêm khắc", "giọng hơi lạnh lùng", gọi Tnú là "đồng chí" (*Đồng chí về có giấy không ?*), như với một người lạ. Tất cả là do Dít đang thực hiện cái cương vị chính trị viên xã đội một cách nghiêm túc tuy có "thật thà" (chính vì hiểu điều đó mà Tnú bỏ ý định đùa cợt, để nghiêm túc trả lời : – *Báo cáo đồng chí chính trị viên xã đội...*). Chỉ sau khi biết chắc Tnú được cấp trên cho nghỉ phép, chứ không phải trốn về (*Dít cầm tờ giấy, soi lên ánh lửa. [...] Dít đọc rất lâu, đọc đi đọc lại đến ba lần*), Dít mới cười, mới gọi *anh xưng em*, mới bày tỏ tình cảm nồng hậu với Tnú (*Sao anh về có một đêm thôi ?*, *Bọn em miếng dưa nào cũng nhắc anh mãi*).

### ***Bài tập 3***

Bá Kiến đối với mấy bà vợ thì quát, ra lệnh (*Các bà đi vào nhà*), mắng mỏ (*dàn bà chỉ lòi thôi, biết gì ?*), nhưng đối với người làng thì *địu giọng hơn một chút*. Lưu ý : chỉ *địu giọng hơn một chút* thôi, chứ vẫn chứng tỏ uy quyền : ra lệnh : *Cả các ông, các bà nữa, về đi thôi chứ !* (cả là gom dân làng với mấy bà vợ vào chung một đối tượng nhận lệnh), trách cứ : *Có gì mà xúm lại như thế này ?* Chính vì thế, dân làng *không ai nói gì, người ta lặng dần đi*. Sự khác biệt này trong cách nói năng của bá Kiến là dễ hiểu : đối với người nhà, bá Kiến không ngại ngần gì mà không tỏ rõ uy quyền, còn đối với dân làng, tỏ ra còn chút tôn trọng mà vẫn giữ thái độ bề trên là cách ứng xử khôn ngoan hơn.

### ***Bài tập 4***

a) Trong đoạn đối thoại, "ông đàn anh" nói hai lần và cả hai lần đều có câu mệnh lệnh. Câu mệnh lệnh thứ nhất còn có vai trò định hướng "đề tài" : chuyện làm cỗ. Như thế, rõ ràng "ông đàn anh" là người điều khiển.

b) Mõ làng cử chỉ thì khép nép, nói năng đều có *thưa, bảm*, gọi mọi người là *các cụ*. Trong khi đó, "ông đàn anh" thì *ra lệnh, lên giọng*, gọi mõ làng là

*thằng*, là *mày*. Rõ ràng về quan hệ vị thế, "ông đàn anh" là kẻ trên, còn *mỡ làng* là bề dưới.

### ***Bài tập 5***

Chú ý ngôn ngữ của các nhân vật phải phù hợp với quan hệ vị thế (giữa thầy (cô) chủ nhiệm với phụ huynh hoặc học sinh) hay quan hệ thân sơ (giữa con với bố mẹ).

GV có thể cho HS chuẩn bị trước Bài tập 5 ở nhà.

## **IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở ngữ dụng học*, tập 1, NXB Đại học Sư phạm, H., 2003.